

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 13 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá,
kê khai giá lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số
95/2025/QH15, 140/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động
vận tải đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hoạt
động đường thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 06/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp
và tiêu thụ nước sạch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử
dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
98/2019/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý
nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng
chung công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 121/TTr-SXD ngày
23/3/2026;*

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý nhà nước về giá lĩnh vực xây dựng.

b) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Các loại hàng hóa, dịch vụ được quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật

1. Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý;

2. Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

3. Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

4. Nước sạch;

5. Dịch vụ nghỉ trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

6. Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô;

7. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước);

8. Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

9. Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;

10. Dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách;

11. Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;

12. Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;

13. Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa;

14. Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước).

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thực hiện định giá, kê khai giá lĩnh vực giao thông vận tải địa bàn tỉnh Lào Cai.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: Xây dựng, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 4 QĐ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Các chuyên viên tham mưu tổng hợp;
- Lưu: VT, XD_(Nam).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Trung Bá



Phụ Lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	- Loại xe và Tải trọng khai thác; - Loại dịch vụ (thu tiền dịch vụ theo lượt, theo chặng); - Đối tượng và chủ phương tiện phải thanh toán tiền dịch vụ sử dụng đường bộ; - Đối tượng miễn thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ.
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Đặc điểm của hạ tầng tuyến đường thủy nội địa: Thông số kỹ thuật luồng nước: độ sâu, chiều rộng, tốc độ dòng chảy, chất lượng nước, mức độ ổn định của luồng); Hệ thống báo hiệu đường thủy, biển báo, cột neo, mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng. - Loại phà vận tải hành khách: trọng tải của phương tiện, số hành khách được phép chở, năm sản xuất, loại nhiên liệu; trang bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị y tế; thiết bị giám sát hành trình, nhận dạng tự động AIS; thiết bị thông tin liên lạc, theo dõi thời tiết. - Loại cảng, bến thủy nội địa (bến đi, bến đến): theo quyết định công bố cảng, bến thủy nội địa. Thông số kỹ thuật của cảng, bến thủy nội địa (Quy mô, vị trí, cấp kỹ thuật của cảng, bến thủy nội địa). - Thời gian hoạt động và cự ly tuyến; - Các dịch vụ kèm theo.
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Loại cảng, bến thủy nội địa theo quyết định công bố cảng, bến thủy nội địa. Thông số kỹ thuật của cảng, bến thủy nội địa (Quy mô, vị trí, cấp kỹ thuật của cảng, bến thủy nội địa). - Phương tiện thủy nội địa ra, vào cảng, bến thủy nội địa: + Phương tiện thủy nội địa vận tải hàng hóa: - Loại phương tiện thủy nội địa (theo thông số

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
		trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa). + Phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách: Loại phương tiện thủy nội địa (theo thông số trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa). - Thời gian Phương tiện thủy nội địa ra, vào cảng, bến thủy nội địa.
4	Nước sạch	Nước sạch là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng, gồm: - Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh của con người) phải bảo đảm theo các quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Y tế ban hành quy chuẩn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Chất lượng nước sạch sử dụng chung cho mục đích sinh hoạt và các mục đích sử dụng khác phải bảo đảm theo quy chuẩn kỹ thuật của nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Chất lượng nước sạch sử dụng cho các mục đích không phải sinh hoạt được thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.
5	Dịch vụ nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Dịch vụ nghĩa trang bao gồm tổ chức tang lễ, mai táng; xây mộ, cải táng, chăm sóc mộ, tu sửa mộ; bảo quản, lưu giữ tro cốt và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm.
6	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	- Loại bến xe theo quyết định công bố bến xe. Chất lượng của bến xe (vị trí, quy mô, diện tích, số chỗ đỗ xe, mái che, mặt sân, hình thức thu phí, các dịch vụ khác);

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
		- Loại xe ra, vào bến (xe tuyến cố định, xe vãng lai): + Xe tuyến cố định: loại xe (theo số chỗ ngồi, nằm; xe ngoài kế hoạch, tăng cường vào các ngày cuối tuần, lễ, tết, cao điểm); cự ly tuyến. + Xe vãng lai: loại xe (xe đạp; xe mô tô; xe ô tô con; xe taxi; xe ô tô khách theo số chỗ ngồi, nằm; xe ô tô tải theo trọng tải; các loại xe khác). - Thời gian ra, vào bến xe.
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của pháp luật, gồm: - Quản lý hệ thống thoát nước mưa: + Quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa, các kênh mương thoát nước chính, hồ điều hòa và các trạm bơm chống úng ngập, cửa điều tiết, các van ngăn triều (nếu có) đến các điểm xả ra môi trường; + Các tuyến cống, mương, hố ga phải được nạo vét, duy tu, bảo trì định kỳ, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế. - Quản lý hệ thống hồ điều hòa: + Quản lý hệ thống hồ điều hòa trong hệ thống thoát nước nhằm lưu trữ nước mưa, đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái kết hợp làm nơi vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch. + Duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa. + Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ.

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
		- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm, tuyến cống áp lực, công trình đầu mối, điểm đầu nối, tuyến cống thu gom, chuyển tải đến nhà máy xử lý nước thải, các điểm xả... phải tuân thủ các quy trình quản lý, vận hành đã được phê duyệt.
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	- Chất lượng của bến, bãi trông giữ xe (vị trí, quy mô, diện tích, số chỗ đỗ xe, mái che, mặt sân, hình thức thu phí, các dịch vụ khác); - Loại phương tiện trông giữ (xe đạp; xe mô tô; xe ô tô con; xe taxi; xe ô tô khách theo số chỗ ngồi, nằm; xe ô tô tải theo trọng tải; các loại xe khác); - Số chỗ ngồi, nằm hoặc trọng tải của phương tiện; - Loại dịch vụ (trông giữ theo lượt, trông giữ theo ngày/đêm, trông giữ theo tháng/quý/năm)
9	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); công cáp; hào và tụy nen kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt. (i) Sử dụng chung công cáp, hào và tụy nen kỹ thuật: - Loại công trình tham gia sử dụng chung công cáp, hào và tụy nen kỹ thuật: + Công trình sử dụng chung công cáp bao gồm: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng; + Công trình sử dụng chung hào kỹ thuật: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước; đường ống cấp năng lượng;

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
		+ Công trình sử dụng chung tuy nen kỹ thuật: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước; đường ống cấp năng lượng; đường ống thoát nước (nếu có). - Công cấp, hào và tuy nen kỹ thuật phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành. - Các đường dây, cáp, đường ống phải lắp đặt đúng vị trí, đảm bảo kết cấu và có dấu hiệu nhận biết theo quy định, đồng thời bảo đảm thuận tiện trong quá trình quản lý vận hành và bảo dưỡng. (ii) Sử dụng chung đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt: - Các công trình đường dây, cáp và đường ống; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào, tuy nen kỹ thuật khi kết hợp sử dụng chung phải phù hợp với từng loại công trình đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt. - Việc thiết kế xây dựng đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt phải tuân thủ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và có giải pháp kỹ thuật phù hợp để bố trí, lắp đặt các đường dây, cáp và đường ống. - Sử dụng chung các công trình đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt hiện có phải tuân thủ các quy định hiện hành và có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý công trình, đồng thời phải đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và mỹ quan đô thị.

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
10	Dịch vụ trông giữ xe đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	- Chất lượng của bến, bãi trông giữ xe (vị trí, quy mô, diện tích, số chỗ đỗ xe, mái che, mặt sân, hình thức thu phí, các dịch vụ khác); - Loại phương tiện trông giữ (xe đạp; xe mô tô; xe ô tô con; xe taxi; xe ô tô khách theo số chỗ ngồi, năm; xe ô tô tải theo trọng tải; các loại xe khác); - Số chỗ ngồi, năm hoặc trọng tải của phương tiện; - Loại dịch vụ (trông giữ theo lượt, trông giữ theo ngày/đêm, trông giữ theo tháng/quý/năm).
11	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	- Đặc điểm của phương tiện: nhãn hiệu xe, số chỗ ngồi, năm sản xuất, loại nhiên liệu; đồng hồ, phần mềm tính tiền; trang bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị giám sát hành trình; - Cụ ly vận chuyển; - Hình thức, thời gian vận chuyển; - Các dịch vụ kèm theo.
12	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	- Đặc điểm của phương tiện: + Phương tiện vận tải đường bộ: nhãn hiệu xe, số chỗ ngồi (năm), năm sản xuất, loại nhiên liệu; trang bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị y tế; thiết bị giám sát hành trình; camera giám sát lái xe; + Phương tiện vận tải đường thủy: số hành khách được phép chở, năm sản xuất, loại nhiên liệu; trang bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị y tế; thiết bị giám sát hành trình, nhận dạng tự động AIS; thiết bị thông tin liên lạc, theo dõi thời tiết. - Cụ ly vận chuyển; - Hình thức, thời gian vận chuyển; - Các dịch vụ kèm theo.

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
13	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	- Đặc điểm của hạ tầng tuyến đường thủy nội địa: Thông số kỹ thuật luồng nước: độ sâu, chiều rộng, tốc độ dòng chảy, chất lượng nước, mức độ ổn định của luồng); Hệ thống báo hiệu đường thủy, biển báo, cột neo, mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng. - Loại phương tiện vận tải: trọng tải của phương tiện, số hành khách được phép chở, năm sản xuất, loại nhiên liệu; trang bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị y tế; thiết bị giám sát hành trình, nhận dạng tự động AIS; thiết bị thông tin liên lạc, theo dõi thời tiết. - Loại cảng, bến thủy nội địa: theo quyết định công bố cảng, bến thủy nội địa. Thông số kỹ thuật của cảng, bến thủy nội địa (Quy mô, vị trí, cấp kỹ thuật của cảng, bến thủy nội địa). - Thời gian hoạt động và cự ly tuyến; - Các dịch vụ kèm theo.
14	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	
14.1	Đá xây dựng	
	Đá Dmax<5mm	Kích thước viên < 5mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7570:2006)
	Đá Dmax=10mm	Kích thước viên (5 ≤ và ≤ 10)mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7570:2006)
	Đá Dmax=20mm	Kích thước viên (10 < và ≤ 20)mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7570:2006)
	Đá Dmax=40mm	Kích thước viên (20 < và ≤ 40)mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7570:2006)
	Đá Dmax=70mm	Kích thước viên (40 < và ≤ 70)mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7570:2006)
	Cấp phối đá dăm loại I	Kích thước viên (0,1 < và ≤ 25)mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 8859:2023)

TT	Tên gọi dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ
	Cấp phối đá dăm loại II	Kích thước viên ($0,1 < \text{và} \leq 37,5$)mm (Theo tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 8859:2023)
14.2	<i>Cát xây dựng</i>	
	Cát mịn	Kích thước hạt (0,7-2,0)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Cát thô (cát vàng)	Kích thước hạt > 2 mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
14.3	<i>Gạch xây đất sét nung</i>	
	Gạch đặc, rỗng (220x105x60)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (220 x 105 x 60)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Gạch rỗng (210x95x55)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (210 x 95 x 55)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Gạch đặc (200x90x50)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (200 x 90 x 50)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
14.4	<i>Gạch xây không nung</i>	
	Gạch bê tông đặc, rỗng (220x105x60)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (220 x 105 x 60)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Gạch bê tông đặc (210x105x60)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (210 x 105 x 60)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Gạch bê tông đặc (220x100x48)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (220 x 100 x 48) mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Gạch bê tông đặc (220x150x116)	Mác (5 - 15). Kích thước (dài x rộng x cao) (220 x 150 x 116)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)
	Gạch bê tông đặc, rỗng (220x105x65)	Mác (5-15). Kích thước (dài x rộng x cao) (220x105x65)mm (Theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD)